

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **14/2022/DS-ST**

Ngày: 24-3-2022

V/v tranh chấp: “*Hợp đồng vay tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Tài

2. Ông Phạm Văn Vũ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ptham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Quý – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ Lsố: 155/2021/TLST-DS ngày 26/5/2021 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2022/QĐST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Quốc T, sinh năm 1974 và bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1981 (Bà ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng tại Tòa án). Cùng cư trú: Số 170/3, ấp AH, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn N, sinh năm 1965 và bà Lê Thị E, sinh năm 1966. Cùng cư trú: số 77/5, ấp AH xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. (có yêu cầu vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/5/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Trần Quốc T (đồng thời là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ L) trình bày:

Vào ngày 28/02/2020 ông và bà Nguyễn Thị Mỹ L (vợ ông) có cho vợ chồng ông Trần Văn N (thường gọi là 2 Ngõa) và bà Lê Thị E mượn số tiền 89.000.000 (Tám mươi chín triệu) đồng, khi mượn tiền có viết biên nhận, ông N nói mượn tiền để đi trị bệnh cho mẹ ông và hẹn đến 02 tháng sau (28/4/2020) sẽ trả cho vợ chồng ông nhưng đến ngày hẹn trả thì ông N, bà E không trả tiền cho vợ chồng ông cho đến nay.

Tại phiên tòa ông thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn N và bà Lê Thị E có nghĩa vụ liên đới trả cho ông và bà L số tiền 88.000.000 (Tám mươi tám triệu) đồng, yêu cầu trả 01 lần, không yêu cầu tính lãi.

Ông yêu cầu Tòa án tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 27/5/2021 để đảm bảo thi hành án.

Tại phiên tòa bị đơn ông Trần Văn N, bà Lê Thị E vắng mặt nhưng tại Tờ cam kết ngày 10/11/2021, 24/11/2021 và ngày 08/3/2022 ông N, bà E đã trình bày:

Ông N, bà E thừa nhận có nợ ông Trần Quốc T, bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 88.000.000 (Tám mươi tám triệu) đồng. Ông N, bà E yêu cầu được trả dần cho ông T, bà L số tiền này hàng tháng là 3.000.000 (Ba triệu) đồng, trả cho đến khi dứt nợ.

Do dịch bệnh kéo dài vợ chồng ông đi làm muộn không về trực tiếp tại Tòa án được nên yêu cầu được vắng mặt.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Pphát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị: Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Trần Văn N, bà Lê Thị E phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Quốc T, bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 88.000.000 (Tám mươi tám triệu) đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Trần Quốc T, bà Nguyễn Thị Mỹ L tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn ông Trần Văn N, bà Lê Thị E theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

[2] Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Trần Văn N, bà Lê Thị E vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có Ldo nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn ông Trần Quốc T, bà Nguyễn Thị Mỹ L với bị đơn ông Trần Văn N, bà Lê Thị E được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Trần Văn Ngăn, bà Lê Thị E đã thừa nhận hiện nay ông Ngăn, bà E còn nợ ông Trần Quốc T, bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền

88.000.000 (Tám mươi tám triệu) đồng nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông Thái, bà Lkhông phải chứng minh.

Xét yêu cầu xin trả dân của ông N, bà E không được ông Thái, bà Lđồng ý nên Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin trả dân của ông N, bà E.

[5] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T, bà Nguyễn Thị Mỹ Llà có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T, bà Nguyễn Thị Mỹ L. Buộc ông Trần Văn N, bà Lê Thị E phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Thái, bà Lsố tiền 88.000.000 (Tám mươi tám triệu) đồng.

Lãi suất, do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 27/5/2021 để đảm bảo thi hành án.

[7] Về chi phí tố tụng: 1.500.000 đồng (chi phí giám định) ông Thái, bà Lđã tạm nộp. Do yêu cầu của ông T, bà Lđược Hội đồng xét xử chấp nhận nên buộc ông Nvà bà E phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông T, bà Lsố tiền 1.500.000 đồng.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Pphù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Ông N, bà E phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản Lvà sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 147, 227, 228 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản Lvà sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T, bà Nguyễn Thị Mỹ L. Buộc ông Trần Văn N, bà Lê Thị E phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông T, bà Lsố tiền 88.000.000 (Tám mươi tám triệu) đồng.

Lãi suất, do nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 27/5/2021 để đảm bảo thi hành án.

3. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Phụng bả phong tỏa tài sản đảm bảo có giá trị là 20.000.000đồng đối với tài khoản 7105205227383 của ông Trần Quốc T theo Quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 591/2021/QĐ-BPBD ngày 27/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Trần Văn N, bà Lê Thị E phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Quốc T bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 1.500.000 (Một triệu năm trăm ngàn) đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Văn N, bà Lê Thị E có nghĩa vụ liên đới nộp: 4.400.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ông Trần Quốc T, bà Nguyễn Thị Mỹ L được Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng bả trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.225.000 đồng theo biên lai thu số 0005170, ngày 26 tháng 5 năm 2021.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết